TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **112**/2024/HS-ST
Ngày: 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lý Văn Đ; Sinh ngày: 23/3/1981; Tại: Tỉnh Hậu Giang; Hộ khẩu thường trú: 454/51/91 đường H, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 454/51/93 đường H, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Hồng Ng và bà: Trần Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo khai có vợ là bà Võ Thị Hồng L (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Nh; Sinh năm: 1960; Trú tại: 156 đường Đ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Trần Đức V; Sinh năm: 1994; Thường trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: 174/15 đường S, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Châu Văn Q; Sinh năm: 1990; Thường trú: Xã L, huyện T, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 52A đường N, Phường J, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Thành Đ1; Sinh năm: 1976; Thường trú: 158 đường Tr, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: 65/9A1 đường T, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Lê Hữu Nh1; Sinh năm: 1978; Thường trú: Khóm 6, phường TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: 158 đường A, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Xuân N (Bé); Sinh năm: 1974; Trú tại: 1H đường số 10, Cư xá Đ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

7. Bà Trịnh Thị Th; Sinh năm: 1972; Thường trú: 229/29 khóm 4, Phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: 217/36/12 đường B, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 08/5/2024, tổ công tác thuộc Đội cảnh sát hình sự Công an Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện Lý Văn Đ điều khiển xe gắn máy biển số 59K2-800.28 (nhãn hiệu Honda Wave 125I) chạy đến trước nhà số 361F đường Đ, Phường N, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, đã thu giữ của Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus (bên trong có 01 sim điện thoại số 0823676971) chứa nhiều thông tin liên quan đến việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao, nên đã đưa Đ cùng các vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lý Văn Đ khai: Bắt đầu từ đầu năm 2023, Đ đã cho nhiều người ở khu vực Quận 6 vay tiền, trong đó số tiền cho vay thấp nhất là 2.500.000 đồng, số tiền cho vay nhiều nhất là 71.000.000 đồng với lãi suất từ 182,5% đến 288%/năm. Những người vay tiền của Đ sẽ trả góp theo ngày (gồm một phần tiền nợ gốc và lãi) hoặc trả tiền lãi đứng theo ngày (không bao gồm tiền gốc). Sau khi thỏa thuận số tiền, hình thức vay và lãi suất cho vay, Đ sẽ đưa tiền mặt và mỗi ngày Đ sẽ trực tiếp đến nơi ở hoặc nơi làm việc của người vay để lấy tiền góp, tiền lãi. Khi vay tiền, người vay không phải đưa giấy tờ hay thế chấp tài sản gì cho Đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2024, Đ đã thực hiện cho 07 người vay tiền. Cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Nh vay 04 hợp đồng (trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 4/2024), cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/02/2024, bà Nh vay số tiền 71.000.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 430.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 18,2%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, bà Nh đã trả lãi được 74 ngày, tổng cộng là 31.820.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.878.904 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 28.941.096 đồng. Bà Nh còn nợ số tiền vay là 71.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 06/4/2024, bà Nh vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 60.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 18%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, bà Nh đã trả lãi được 32 ngày, tổng cộng là 1.920.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 175.342 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 1.744.658 đồng. Bà Nh còn nợ số tiền vay là 10.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 17/4/2024, bà Nh vay số tiền 15.000.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 90.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 18%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, bà Nh đã trả lãi được 21 ngày, tổng cộng là 1.890.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 172.603 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 1.717.397 đồng. Bà Nh còn nợ số tiền vay là 15.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 19/4/2024, bà Nh vay số tiền 20.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 40 ngày (mỗi ngày góp 600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 15,2%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, bà Nh đã góp được 09 ngày, số tiền là 5.400.000 đồng (gồm tiền vay là 4.500.000 đồng, tiền lãi là 900.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 98.630 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 801.370 đồng. Bà Nh còn nợ số tiền vay là 15.500.000 đồng.

2. Ông Trần Đức V vay 01 hợp đồng vào tháng 11/2023, số tiền vay 10.000.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo tháng cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi tháng trả lãi 2.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20%/tháng). Ông V đã trả lãi được 05 tháng, tổng cộng là 10.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 833.333 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 9.166.667 đồng. Sau đó, do không có khả năng đóng tiền lãi, ông V xin chuyển sang hình thức trả góp (không tính lãi), Đ đồng ý. Tính đến ngày 08/5/2024, ông V đã góp 2.000.000 đồng còn nợ số tiền vay là 8.000.000 đồng.

3. Ông Châu Văn Q vay 02 hợp đồng (trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 5/2024), cụ thể:

- Lần 1: Tháng 4/2024, ông Q vay số tiền 2.500.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 20.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 24%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, ông Q trả đủ tiền vay và đã trả lãi được 10 ngày, tổng cộng là 200.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 13.699 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 186.301 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/5/2024, ông Q vay số tiền 2.500.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 20.000 đồng,

tương ứng mức lãi suất 24%/tháng). Sau khi nhận tiền, ông Q chưa trả tiền lãi cho Đ thì đã bị Công an phát hiện. Ông Q còn nợ số tiền vay là 2.500.000 đồng.

4. Ông Nguyễn Thành Đ1 vay 03 hợp đồng (trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024), cụ thể:

- Lần 1: Tháng 02/2024, ông Đ1 vay số tiền 3.500.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 140.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20,3%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, ông Đ1 đã góp đủ 30 ngày, số tiền là 4.200.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 57.534 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 642.466 đồng.

- Lần 2: Tháng 3/2024, ông Đ1 vay số tiền 3.500.000 đồng (đã kết thúc), hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 140.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20,3%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, ông Đ1 đã góp đủ 30 ngày, số tiền là 4.200.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 57.534 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 642.466 đồng.

- Lần 3: Ngày 08/5/2024, ông Đ1 vay số tiền 3.500.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 140.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20,3%/tháng). Sau khi nhận tiền, ông Đ1 chưa góp cho Đ ngày nào thì đã bị Công an phát hiện. Ông Đ1 còn nợ số tiền vay là 3.500.000 đồng.

5. Ông Lê Hữu Nh1 vay 02 hợp đồng (trong khoảng thời gian tháng 9/2023), cụ thể:

- Lần 1: Tháng 9/2023, ông Nh1 vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 40 ngày (mỗi ngày góp 300.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 15,21%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, ông Nh1 đã góp được 10 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng (gồm tiền vay là 2.500.000 đồng, tiền lãi là 500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 54.795 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 445.205 đồng. Ông Nh1 còn nợ số tiền vay là 7.500.000 đồng.

- Lần 2: Tháng 9/2023, ông Nh1 vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay là trả lãi theo ngày cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi ngày trả lãi 30.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 24%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, ông Nh1 trả lãi được 10 ngày, số tiền là 300.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 27.397 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 272.603 đồng. Ông Nh1 còn nợ số tiền vay là 5.000.000 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Xuân N vay 01 hợp đồng vào ngày 01/5/2024, số tiền vay là 2.500.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 30 ngày (mỗi ngày góp 100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20,3%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, bà N đã góp được 07 ngày, số tiền là 700.000 đồng (gồm tiền vay là 583.333 đồng, tiền lãi là 116.667 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 9.589 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 107.078 đồng. Bà N còn nợ số tiền vay là 1.916.667 đồng.

7. Bà Trịnh Thị Th vay 01 hợp đồng vào tháng 02/2023, số tiền vay là 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 40 ngày (mỗi ngày góp

300.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 15,2%/tháng). Bà Th góp được 10 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 54.795 đồng). Đ thu lợi bất chính số tiền 445.205 đồng.

Do không có khả năng trả góp mỗi ngày, nên bà Th và Đ thỏa thuận số tiền bà Th đang nợ Đ là 9.000.000 đồng, đồng thời chuyển sang hình thức đóng tiền lãi theo tháng cho đến khi trả dứt số tiền vay (mỗi tháng trả lãi 1.800.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 20%/tháng). Tính đến ngày 08/5/2024, Bà Th trả lãi được 02 tháng, số tiền là 3.600.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 300.000 đồng), Đ thu lợi bất chính số tiền 3.300.000 đồng. Bà Th còn nợ số tiền vay là 9.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra Công an Quận 6 tiến hành cho các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th nhận dạng người qua hình ảnh. Các ông, bà này đều xác định Lý Văn Đ chính là người đã cho các ông, bà vay tiền với lãi suất cao (phù hợp lời khai và nhận dạng người qua hình ảnh của Lý Văn Đ).

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 73/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Lý Văn Đ về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» (Quyết định số: 96/QĐ-ĐCSHS).

Tại Cáo trạng số: 112/CT-VKS-Q6 ngày 31 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lý Văn Đ về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lý Văn Đ khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng như nội dung bản cáo trạng nêu. Và bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 11/7/2024 (bút lục từ số 32 đến số 34) được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa là chính xác, đúng với toàn bộ diễn biến sự việc liên quan đến việc cho vay lãi nặng giữa bị cáo và các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2024;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Xuân N khai: Bà N bán bún bò ở chợ P, Phường N, Quận F. Ngày 01/5/2024, do cần tiền mua 02 cây dù che nắng, nên bà có hỏi Lý Văn Đ vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng trong thời hạn vay 30 ngày, tổng cộng là 3.000.000 đồng và bà đã góp được 07 ngày với số tiền là 700.000 đồng. Bà N xác nhận còn nợ Đ 2.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.916.667 đồng.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Văn Đ như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lý Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo Lý Văn Đ từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp lại số tiền 24.817.488 đồng (trong đó, tiền bị cáo dùng để cho vay là 20.083.333 đồng; tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.734.155 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ 1.180.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ của bị cáo, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 23.637.488 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh nộp lại 111.500.000 đồng; ông Trần Đức V nộp lại 8.000.000 đồng; ông Châu Văn Q1 nộp lại 2.500.000 đồng; ông Nguyễn Thành Đ1 nộp lại 3.500.000 đồng; ông Lê Hữu Nh1 nộp lại 12.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Xuân N nộp lại 1.916.667 đồng; bà Trịnh Thị Th nộp lại 9.000.000 đồng, là số tiền mà các ông, bà này đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Lý Văn Đ để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Lý Văn Đ trả lại bà Nguyễn Thị Nh 33.204.521 đồng; trả lại ông Trần Đức V 9.166.667 đồng; trả lại ông Châu Văn Q 186.301 đồng; trả lại ông Nguyễn Thành Đ1 1.284.932 đồng; trả lại ông Lê Hữu Nh1 717.808 đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Xuân N 107.078 đồng; trả lại bà Trịnh Thị Th 3.745.205 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K2-800.28, số khung MLHJA2107M5855280, số máy JA21E3655280 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave 125I, dung tích 124,89); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số seri: 39WMJ1VJCM1 và số tiền 1.180.000 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại số 8401190392797250WD.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Lý Văn Đ) đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Thông và hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL157), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lý Văn Đ nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Trịnh Thị Th vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lý Văn Đ, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Xuân N tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Biên bản làm việc ngày 10/5/2024 về việc kiểm tra nội dung tin nhắn trong chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lý Văn Đ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Trịnh Thị Th và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2024, bị cáo Lý Văn Đ đã thực hiện cho các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th vay tiền với tổng số 14 hợp đồng, tổng số tiền cho vay là 169.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 53.146.667 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 48.412.512 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay từ 182,5% đến 288%/năm - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm). Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền có thể lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» thuộc trường hợp «thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Lý Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng người lao động có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cố tình cho vay với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lý Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và xét bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có người bảo lãnh. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của Đ diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Lý Văn Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Tổng số tiền mà bị cáo Lý Văn Đ dùng để cho các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th vay (tiền gốc) là 169.000.000 đồng, trong đó số tiền bị cáo thực tế đã được nhận là 20.083.333 đồng. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Tổng số tiền lãi mà bị cáo Lý Văn Đ đã nhận của các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 4.734.155 đồng. Số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xét đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung, nộp vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ 1.180.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ của bị cáo, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 3.554.155 đồng.

[7.3] Đối với số tiền mà các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th đã vay (tiền gốc) chưa trả hết cho bị cáo Lý Văn Đ, Hội đồng xét xử buộc các ông,

bà này phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể, buộc bà Nguyễn Thị Nh nộp lại 111.500.000 đồng; ông Trần Đức V nộp lại 8.000.000 đồng; ông Châu Văn Q nộp lại 2.500.000 đồng; ông Nguyễn Thành Đ1 nộp lại 3.500.000 đồng; ông Lê Hữu Nh1 nộp lại 12.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Xuân N nộp lại 1.916.667 đồng; bà Trịnh Thị Th nộp lại 9.000.000 đồng.

[7.4] Quá trình điều tra, các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th khai sử dụng vốn vay nhằm mục đích chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lý Văn Đ trả lại bà Nh 33.204.521 đồng; trả lại ông V 9.166.667 đồng; trả lại ông Q 186.301 đồng; trả lại ông Đ 1.284.932 đồng; trả lại ông Nh1 717.808 đồng; trả lại bà N 107.078 đồng; trả lại bà Th 3.745.205 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực tế đã thu của các ông, bà này (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm).

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Lý Văn Đ dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số seri: 39WMJ1VJCM1, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước cùng với số tiền 1.180.000 đồng (là tiền bị cáo Lý Văn Đ khai có được từ việc cho vay lãi nặng) theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59K2-800.28, số khung MLHJA2107M5855280, (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave 125I, dung tích 124,89). Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bị cáo Lý Văn Đ, do bị cáo đứng tên chủ xe và bị cáo sử dụng làm phương tiện đi thu tiền góp, tiền lãi của người vay, nên Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với 01 sim điện thoại số 8401190392797250WD (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 37/PNK ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Công an Quận 6; hai Quyết định chuyển vật chứng số: 100/QĐ-VKS-Q6 ngày 31 tháng 10 năm 2024 và số: 01/QĐ-VKS-Q6 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; hai Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 11 năm 2024 và ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.4] Đối với 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Lý Văn Đ) đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Thông và hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL157), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Lý Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lý Văn Đ** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự».

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lý Văn Đ cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lý Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp phạt 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp lại số tiền 23.637.488 (hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi tám) đồng (bao gồm tiền bị cáo dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, sau khi cấn trừ số tiền 1.180.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ của bị cáo) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh nộp lại 111.500.000 (một trăm mười một triệu năm trăm ngàn) đồng; ông Trần Đức V nộp lại 8.000.000 (tám triệu) đồng; ông

Châu Văn Q nộp lại 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng; ông Nguyễn Thành Đ1 nộp lại 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng; ông Lê Hữu Nh1 nộp lại 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng; bà Nguyễn Thị Xuân N nộp lại 1.916.667 (một triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; bà Trịnh Thị Th nộp lại 9.000.000 (chín triệu) đồng, là số tiền mà các ông, bà này đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Lý Văn Đ để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Lý Văn Đ trả lại bà Nguyễn Thị Nh 33.204.521 (ba mươi ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn năm trăm hai mươi mốt) đồng; trả lại ông Trần Đức V 9.166.667 (chín triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; trả lại ông Châu Văn Q 186.301 (một trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm lẻ một) đồng; trả lại ông Nguyễn Thành Đ1 1.284.932 (một triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi hai) đồng; trả lại ông Lê Hữu Nh1 717.808 (bảy trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám) đồng; trả lại bà Nguyễn Thị Xuân N 107.078 (một trăm lẻ bảy ngàn không trăm bảy mươi tám) đồng; trả lại bà Trịnh Thị Th 3.745.205 (ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm) đồng.

Kể từ ngày các ông, bà Nguyễn Thị Nh, Trần Đức V, Châu Văn Q, Nguyễn Thành Đ1, Lê Hữu Nh1, Nguyễn Thị Xuân N, Trịnh Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lý Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lý Văn Đ còn phải trả các ông, bà có tên khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59K2-800.28, số khung MLHJA2107M5855280, số máy JA21E3655280 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave 125I, dung tích 124,89); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số seri: 39WMJ1VJCM1 và 1.180.000 (một triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại số 8401190392797250WD.

(theo Giấy nộp tiền ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 11 năm 2024 và ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lý Văn Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lý Văn Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Xuân N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên